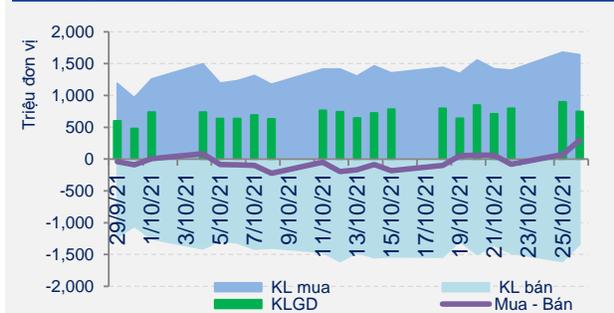
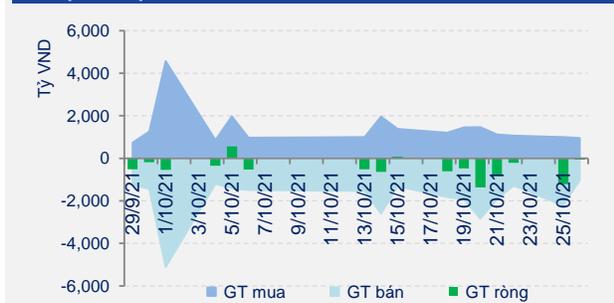


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 26/10/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,391.63	397.81
% Thay đổi	↑ 0.45%	↑ 0.49%
KLGD (CP)	747,953,042	115,192,055
GTGD (tỷ đồng)	21,027.35	2,495.64
Tổng cung (CP)	1,342,808,100	172,564,600
Tổng cầu (CP)	1,638,826,400	171,738,200

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	28,673,200	1,411,360
KL mua (CP)	29,111,800	305,870
GT mua (tỷ đồng)	955.16	6.09
GT bán (tỷ đồng)	1,017.43	36.08
GT ròng (tỷ đồng)	(62.28)	(30.00)

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 2.10%	23.3	3.8	1.7%
Công nghiệp	↑ 1.14%	20.3	3.0	11.0%
Dầu khí	↑ 0.83%	18.5	2.0	2.6%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.43%	-	5.0	3.5%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.14%	17.6	2.6	1.0%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.14%	21.6	4.2	7.6%
Ngân hàng	↑ 0.19%	11.1	2.1	15.1%
Nguyên vật liệu	↑ 1.27%	14.0	3.0	20.6%
Tài chính	↑ 0.28%	18.5	3.2	34.6%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 1.07%	17.3	3.1	2.5%
VN - Index	↑ 0.45%	16.9	2.8	
HNX - Index	↑ 0.49%	23.7	4.6	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường hồi phục trở lại trong phiên hôm nay với thanh khoản suy giảm. Cụ thể, VN-Index tăng 6,23 điểm (+0,45%) lên 1.391,63 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tích cực với 231 mã tăng, 62 mã tham chiếu, 211 mã giảm. HNX-Index tăng 1,93 điểm (+0,49%) lên 397,81 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 133 mã tăng, 64 mã tham chiếu, 118 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn suy giảm so với phiên trước đó nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 816 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 21.957 tỷ đồng. Thị trường giảm điểm trong phần lớn thời gian phiên hôm nay nhưng lực cầu bắt đáy xuất hiện từ khoảng 13h30 trở đi khiến chỉ số dần lấy lại sắc xanh và kết phiên ở gần mức cao nhất. Nhóm cổ phiếu ngân hàng khá tích cực trong phiên hôm nay với nhiều mã tăng như MBB (+1,3%), VIB (+1,8%), KLB (+2,1%), VPB (+0,1%), LPB (+0,7%), HDB (+0,8%), TCB (+0,2%), TPB (+1,2%), BAB (+0,5%)... Bên cạnh đó, nhóm chứng khoán cũng thu hút dòng tiền trở lại với SSI (+1,3%), VND (+1,2%), VCI (+2,2%), SHS (+1,1%), HCM (+1,1%)... đều kết phiên trong sắc xanh. Nhóm cổ phiếu bất động sản, xây dựng cũng giao dịch khá tích cực trong phiên với nhiều mã tăng. Nhóm thép sau một vài phiên điều chỉnh gần đây đã lấy lại sắc xanh quen thuộc khi HPG (+2,2%), HSG (+1,4%), NKG (+5,4%), TIS (+1,8%), TLH (+2,2%), VGS (+3,7%)... đều đóng cửa tăng giá. Ở nhóm vốn hóa lớn, FPT (+2,1%), HPG (+2,2%), VIC (+0,1%), HVN (+1,6%), GVR (+0,4%)... đóng cửa trong sắc xanh, đóng góp khá nhiều vào mức tăng của thị trường. Ở chiều ngược lại, nhóm bảo hiểm chịu áp lực chốt lời khiến nhiều mã giảm như BVH (-0,3%), PVI (-0,8%), MIG (-0,2%), VNR (-2,8%), BIC (-0,3%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường hồi phục trở lại trong phiên hôm nay khi mà chỉ số VN-Index test lại vùng hỗ trợ trong khoảng 1.375-1.380 điểm rồi bật lên từ đây. Thanh khoản trong phiên hôm nay tuy suy giảm so với phiên trước đó nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu bắt đáy về cuối phiên là khá tốt. Khối ngoại giảm bán ròng với chỉ khoảng gần 100 tỷ đồng trên hai sàn cũng là một điểm tích cực nếu so với phiên bán ròng mạnh trước đó. Trên góc nhìn kỹ thuật, với việc tiếp tục giữ vững vùng hỗ trợ trong khoảng 1.375-1.380 điểm nên khả năng để VN-Index tiếp tục hồi phục trong phiên tiếp theo 27/10 để hướng đến ngưỡng tâm lý 1.400 điểm là vẫn còn. Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán tăng thì có thể VN-Index sẽ cần test lại lực cầu tại vùng hỗ trợ gần nhất trong khoảng 1.375-1.380 điểm.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 26/10/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giảm điểm trong gần như toàn bộ thời gian phiên hôm nay, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.377,56 điểm. Nhưng khoảng 14h trở đi, lực cầu bắt đáy gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh và đà tăng duy trì cho đến khi hết phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 1.393,03 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 6,23 điểm (+0,45%) lên 1.391,63 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: HPG tăng 1.200 đồng, GAS tăng 1.800 đồng, FPT tăng 2.000 đồng. Ở chiều ngược lại, VNM giảm 500 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giao dịch khá giằng co trong phiên hôm nay với sắc xanh và sắc đỏ đan xen nhau. Chỉ số đạt mức cao nhất và thấp nhất trong phiên lần lượt tại 398,02 điểm và 393,46 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 1,93 điểm (+0,49%) lên 397,81 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: NTP tăng 5.400 đồng, VC3 tăng 2.700 đồng, L14 tăng 7.100 đồng. Ở chiều ngược lại, PVS giảm 300 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 60,89 tỷ đồng. NLG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 88,2 tỷ đồng tương ứng với 1,6 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VNM với 51 tỷ đồng tương ứng với 568 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, HPG là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 66,7 tỷ đồng tương ứng với 1,2 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 29,84 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 1,1 triệu cổ phiếu. TNG là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 8,3 tỷ đồng tương ứng với 260 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là THD với 5,7 tỷ đồng tương ứng với 25 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, ART là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 293 triệu đồng tương ứng với 30,2 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index hồi phục trở lại trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu bắt đáy đã xuất hiện trong phiên hôm nay để giúp chỉ số hồi phục.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật là lý thuyết sóng Elliott với việc sóng tăng 5 (từ 1.000 điểm lên 1.420 điểm) đã kết thúc khi đạt đến độ dài của sóng tăng 3 (từ 780 điểm lên 1.200 điểm) với mức tăng cùng là 420 điểm.

Sóng điều chỉnh a sau đó đã kết thúc trong phiên 20/7 khi VN-Index chạm ngưỡng 1.225 điểm rồi hồi phục từ đây.

Và hiện tại là sóng hồi phục b với target theo lý thuyết trong khoảng 1.325-1.350 điểm (fibonacci retracement 50%-61,8%). Thực tế là sóng hồi phục b đã vượt quá target lý thuyết trên để hướng dần đến ngưỡng tâm lý 1.400 điểm.

Thị trường có nhịp chùng xuống trong phiên hôm nay để test vùng hỗ trợ gần nhất trong khoảng 1.375-1.380 điểm (đỉnh tháng 8/2021) rồi hồi phục lên khá tốt từ đây nên khả năng để VN-Index tiếp tục hướng đến kháng cự tâm lý 1.400 điểm trong các phiên tiếp theo là vẫn còn. Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán tiếp tục gia tăng thì có thể VN-Index sẽ cần test lại lực cầu trong vùng hỗ trợ gần nhất trong khoảng 1.375-1.380 điểm.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 27/10, VN-Index có thể sẽ tiếp tục hồi phục để hướng dần về ngưỡng kháng cự tâm lý 1.400 điểm.



TIN TRONG NƯỚC

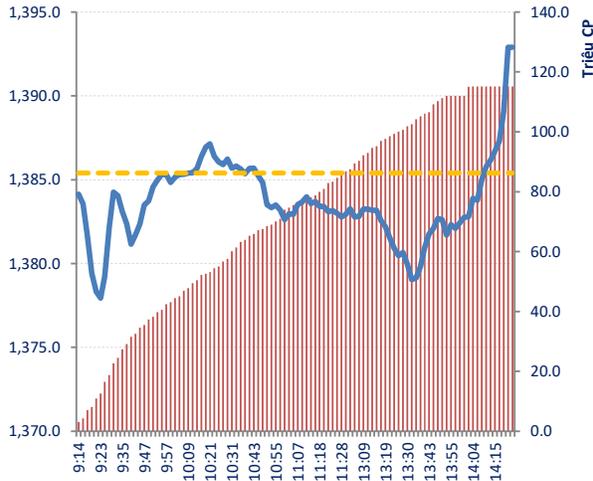
Giá vàng trong nước tăng	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 57,6 - 58,3 triệu đồng/lượng, tăng 100.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và không đổi ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm giảm 7 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng ngày 26/10 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.129 VND/USD, giảm 7 đồng so với ngày hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

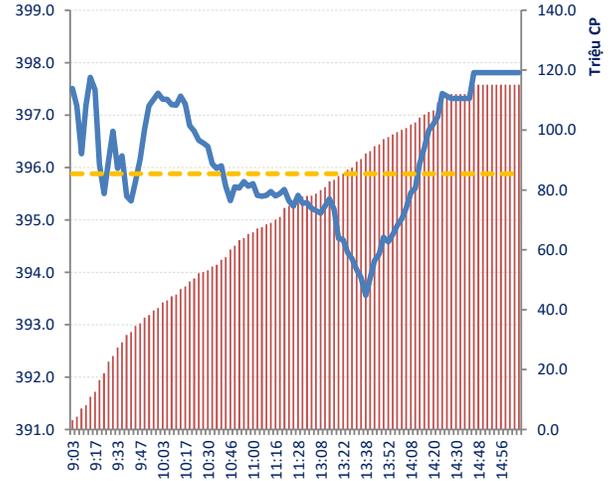
Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 4,3 USD/ounce tương ứng với 0,24% xuống 1.803,15 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,059 điểm tương ứng 0,06% lên 93,860 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1607 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3785 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 113,98 JPY.
Giá dầu thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,45 USD/thùng tương ứng với 0,54% xuống 83,3 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 25/10, Dow Jones tăng 64,13 điểm tương đương 0,18% lên 35.741,15 điểm. Nasdaq tăng 136,51 điểm tương đương 0,9% lên 15.226,71 điểm. Nasdaq Composite tăng 21,58 điểm tương đương 0,47% lên 4.566,48 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



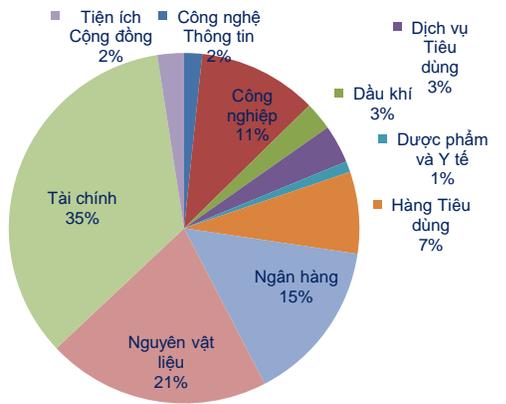
KLGD và HNX-Index trong phiên



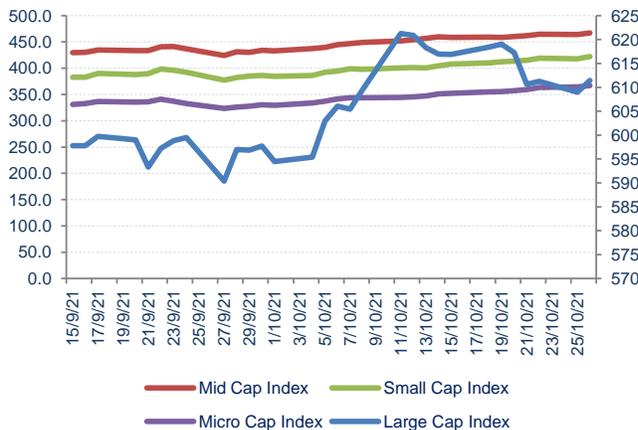
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



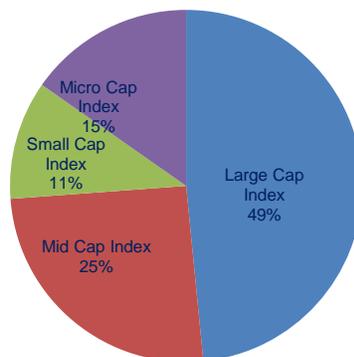
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	1,209,300	NLG	1,630,100
2	POW	915,100	VRE	1,520,400
3	FUEVFVND	820,700	HDB	1,010,800
4	ROS	626,300	CTG	880,500
5	STB	604,900	VNM	567,800

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	ACM	45,200	TNG	259,900
2	ART	30,200	TC6	172,700
3	TDT	8,200	HHG	158,700
4	APS	7,000	THT	61,700
5	MCF	5,500	TVD	57,300

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HQC	4.75	5.08	↑ 6.95%	32,859,300
HPG	55.10	56.30	↑ 2.18%	28,438,800
FLC	11.75	12.00	↑ 2.13%	23,687,700
TCB	50.90	51.00	↑ 0.20%	21,349,800
SHB	26.95	27.10	↑ 0.56%	19,253,100

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
DL1	10.90	11.90	↑ 9.17%	8,219,526
KLF	4.90	5.00	↑ 2.04%	7,403,821
PVS	29.00	28.70	↓ -1.03%	5,431,666
ACM	4.00	3.90	↓ -2.50%	5,200,333
NDN	23.00	22.80	↓ -0.87%	4,085,733

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VRC	17.90	19.15	1.25	↑ 6.98%
TLD	8.45	9.04	0.59	↑ 6.98%
KHP	7.87	8.42	0.55	↑ 6.99%
BCE	17.90	19.15	1.25	↑ 6.98%
DXV	6.04	6.46	0.42	↑ 6.95%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TTT	45.00	49.50	4.50	↑ 10.00%
TXM	7.00	7.70	0.70	↑ 10.00%
VE4	35.20	38.70	3.50	↑ 9.94%
HGM	37.40	41.10	3.70	↑ 9.89%
VXB	15.20	16.70	1.50	↑ 9.87%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
QCG	8.99	8.37	-0.62	↓ -6.90%
SMA	12.10	11.30	-0.80	↓ -6.61%
LAF	21.40	20.00	-1.40	↓ -6.54%
SFC	27.30	25.60	-1.70	↓ -6.23%
PTC	11.80	11.10	-0.70	↓ -5.93%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CKV	14.00	12.60	-1.40	↓ -10.00%
SEB	49.50	44.60	-4.90	↓ -9.90%
PSE	22.30	20.10	-2.20	↓ -9.87%
SGH	46.70	42.10	-4.60	↓ -9.85%
PSW	24.40	22.00	-2.40	↓ -9.84%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DCM	179.27	11.6%	1,431	22.0	2.5
NBB	128.95	22.7%	5,027	7.6	2.2
NLG	58.85	13.6%	4,688	11.5	1.4
VNM	50.68	31.9%	5,109	17.6	5.5
TCB	42.15	21.3%	4,965	10.3	2.0

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-102.52	39.5%	5,614	9.8	3.3
FPT	-50.97	20.4%	4,436	21.4	4.2
VHM	-47.08	36.9%	7,773	10.1	2.6
MBB	-31.83	20.1%	2,772	10.0	1.4
MWG	-30.58	27.0%	6,357	20.2	3.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	2.70	7.1%	1,674	26.1	1.6
STB	2.68	11.8%	1,901	13.5	1.6
MIG	1.43	14.8%	1,605	17.7	2.5
MHC	1.41	35.1%	4,853	2.6	0.8
BWE	0.93	18.9%	3,580	12.2	2.2

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VRE	-4.79	9.2%	1,195	25.4	2.3
HQC	-2.92	0.1%	9	522.3	0.5
VIC	-2.29	4.5%	1,600	57.6	2.2
PAN	-1.80	3.6%	1,049	28.6	1.0
ASM	-1.07	6.1%	1,635	11.0	0.7

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	51.02	20.4%	4,436	21.4	4.2
VRE	36.47	9.2%	1,195	25.4	2.3
HPG	35.64	39.5%	5,614	9.8	3.3
MWG	30.58	27.0%	6,357	20.2	3.3
NLG	29.62	13.6%	4,688	11.5	1.4

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DCM	-194.34	11.6%	1,431	22.0	2.5
NBB	-129.84	22.7%	5,027	7.6	2.2
TCB	-42.15	21.3%	4,965	10.3	2.0
DBD	-30.31	16.9%	3,052	16.4	2.7
LPB	-28.09	17.7%	2,240	9.2	1.5

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	67.00	39.5%	5,614	9.8	3.3
VHC	28.87	14.7%	4,396	13.6	1.9
HSG	25.26	48.3%	7,815	6.0	2.1
FUEVFVND	21.61	N/A	N/A	N/A	N/A
VHM	19.12	36.9%	7,773	10.1	2.6

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NLG	-88.47	13.6%	4,688	11.5	1.4
VNM	-51.84	31.9%	5,109	17.6	5.5
VRE	-40.76	9.2%	1,195	25.4	2.3
PNJ	-30.60	18.0%	4,420	22.4	4.1
VIC	-30.47	4.5%	1,600	57.6	2.2



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HQC	32,859,300	0.1%	9	522.3	0.5
HPG	28,438,800	3250.0%	5,614	9.8	3.3
FLC	23,687,700	15.4%	2,364	5.0	0.8
TCB	21,349,800	21.3%	4,965	10.3	2.0
SHB	19,253,100	15.7%	2,045	13.2	2.0

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
DL1	8,219,526	1.8%	198	55.0	1.0
KLF	7,403,821	0.0%	4	1,196.2	0.5
PVS	5,431,666	4.4%	1,187	24.4	1.1
ACM	5,200,333	0.0%	2	1,701.9	0.6
NDN	4,085,733	39.3%	5,275	4.4	1.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VRC	↑ 7.0%	0.1%	17	1,036.4	0.7
TLD	↑ 7.0%	4.2%	514	16.4	0.8
KHP	↑ 7.0%	17.9%	1,641	4.8	1.0
BCE	↑ 7.0%	13.6%	1,599	11.2	1.6
DXV	↑ 7.0%	-1.9%	(206)	-	0.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TTT	↑ 10.0%	1.4%	1,332	33.8	0.5
TXM	↑ 10.0%	-1.3%	(220)	-	0.4
VE4	↑ 9.9%	2.9%	415	84.9	2.4
HGM	↑ 9.9%	17.7%	2,279	16.4	3.0
VXB	↑ 9.9%	-16.0%	(1,273)	-	2.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	1,209,300	39.5%	5,614	9.8	3.3
POW	915,100	7.5%	1,006	12.2	0.9
UEVFN	820,700	N/A	N/A	N/A	N/A
ROS	626,300	3.1%	326	16.9	0.5
STB	604,900	11.8%	1,901	13.5	1.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
ACM	45,200	0.0%	2	1,701.9	0.6
ART	30,200	0.3%	32	306.8	0.8
TDT	8,200	9.7%	1,177	14.0	1.3
APS	7,000	22.8%	1,893	19.0	3.2
MCF	5,500	8.6%	953	10.6	0.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	350,460	4.5%	1,600	57.6	2.2
VCB	349,005	20.6%	5,533	17.0	3.3
VHM	341,818	36.9%	7,773	10.1	2.6
HPG	246,458	39.5%	5,614	9.8	3.3
GAS	214,362	16.3%	4,178	26.8	4.5

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	80,150	33.9%	6,555	34.9	14.0
KSF	23,130	8.8%	780	98.8	3.9
VCS	20,176	42.1%	10,726	11.8	4.8
IDC	19,890	11.3%	1,684	39.4	4.2
BAB	16,192	8.6%	979	22.0	1.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
FTS	2.70	22.7%	3,586	16.6	3.4
VDS	2.43	31.0%	3,666	8.6	2.2
BSI	2.22	17.7%	2,241	14.0	2.3
IJC	2.17	25.8%	3,971	8.3	2.2
CTS	2.12	19.5%	2,677	10.2	1.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
APS	3.37	22.8%	1,893	19.0	3.2
HBS	3.32	1.2%	140	89.0	1.1
ART	2.86	0.3%	32	306.8	0.8
MBS	2.70	17.0%	1,989	16.3	2.8
PSI	2.63	2.9%	300	46.3	1.3



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
